

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 14-6-2021  
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Quang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Bình
2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đình Vạn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

**- Bị đơn:** Chị Trần Thị Bé Nh, sinh năm 1994;

Địa chỉ thường trú: Ấp Nhà máy X, xã T, huyện Th, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ tạm trú: Tổ A, Ấp Y, xã Th, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Anh Nguyễn Văn T, chị Trần Thị Bé Nh có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2021, các bản khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nh chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2013 đăng ký kết hôn tại UBND xã A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyền số 01/2013 ngày 05/02/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, xung đột vợ chồng làm ảnh hưởng đến con. Anh và

chị Nh đã sống ly thân nhau từ năm 2018, anh ở ngoài Bắc Giang còn chị Nh ở Đồng Nai. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không thể hàn gắn được tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nh. Do điều kiện ở xa nên anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn V sinh ngày 05/9/2012 và Nguyễn Thị Diễm M sinh ngày 26/02/2015, khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay các con đang ở với anh T.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 10/5/2021 bị đơn chị Trần Thị Bé Nh trình bày:*

Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2012, năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn; vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nện nên vợ chồng anh chị đã sống ly hôn từ năm 2018. Nay chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T. Chị Nh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn V sinh ngày 05/9/2012 và Nguyễn Thị Diễm M sinh ngày 26/02/2015; khi ly hôn chị Nh đồng ý giao hai con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay các con đang ở với anh T; tạm thời chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

\* Về tố tụng:

- Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy định.

\* Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn; về con chung: Giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện chị Trần Thị Bé Nh yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Về quan hệ pháp luật: Anh T yêu cầu ly hôn với chị Nh, yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Nh chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 05/02/2013, căn cứ các Điều 11, 12, 13, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa anh T và chị Nh phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên xảy ra xung đột ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2018. Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh T và chị Nh đều thống nhất ly hôn và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị đã không còn. Hội đồng xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T, chị Nh là có thật, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của anh T về việc ly hôn với chị Nh là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Anh T và chị Nh có 02 con chung tên Nguyễn Văn V sinh ngày 05/9/2012 và Nguyễn Thị Diễm M sinh ngày 26/02/2015. Anh T yêu cầu được nuôi cả hai con chung và chị Nh cũng đồng ý giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự phù hợp quy định của pháp luật, với nguyện vọng của con chung nên ghi nhận, giao con chung cho T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 11, 12, 13, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị Bé Nh.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Văn V sinh ngày 05/9/2012 và Nguyễn Thị Diễm M sinh ngày 26/02/2015 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nh không trực tiếp nuôi dưỡng nhưng được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00064880 ngày 26/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Anh T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Quang**